| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TP. BUÔN MA THUỘT**<br>TỈNH ĐẮK LẮK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:168/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-09-2022
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Văn Vĩ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Văn Dược

2. Bà Tống Thị Điệp

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột***: Bà Trần Thị Hồng Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 649/2022/HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/09/2022 giữa các đương sự:

-N đơn: Bà Lê Thị Thanh X– sinh năm:1977(Có mặt)

-Bị đơn: Ông Lê Văn N– sinh năm: 1975(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 67G, phường T, thành phố. B, tỉnh Daklak.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**1]. Theo N đơn bà Lê Thị Thanh X trình bày:**

Tôi và ông Lê Văn N tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Daklak vào ngày 07/9/2000.

Quá trình chung sống vợ chồng sảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, N nhân mâu thuẫn 02 vợ chồng sống không hòa hợp thường xuyên cãi vã dẫn đến nhiều mẫu thuẫn xung đột không thể hàn gắn,vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai người ấy sống, khoảng 02 năm nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay xác định tình cảm vợ chồng là không còn tôi yêu cầu Tòa án xin ly hôn với ông Lê Văn N.

-Về con chung: Tôi và ông Lê Văn N có 03 con chung là: Cháu Lê Thảo N; sinh ngày:15/10/2001; cháu Lê X Hương; sinh ngày:24/4/2007 và cháu Lê Tuấn K; sinh ngày; 18/12/2013.

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi thành niên vì tôi có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung, còn cháu Lê Thảo N; sinh ngày: 15/10/2001 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông Lê Văn N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông lê Văn N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2].Bị đơn ông Lê Văn N trình bày:** Tôi và bà Lê Thị Thanh X tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Daklak vào ngày 07/9/2000.

Quá trình chung sống vợ chồng sảy mâu thuẫn nhưng tôi vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Thanh X.

-Về con chung: Tôi và Lê Thị Thanh X có 03 con chung là: Cháu Lê Thảo N ;sinh ngày: 15/10/2001;  cháu Lê X Hương;sinh ngày: 24/4/2007 và cháu Lê Tuấn K; sinh ngày; 18/12/2013.

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi thành niên. Còn cháu Lê Thảo N sinh ngày: 15/10/2001 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và bà Lê Thị Thanh X tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà Lê Thị Thanh X tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về N đơn đã chấp hành tốt còn bị đơn chưa chấp hành.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn bà Lê Thị Thanh X về việc xin ly hôn với ông Lê Văn N và giao cháu cháu Lê X Hương;sinh ngày: 24/4/2007 và cháu Lê Tuấn K; sinh ngày; 18/12/2013 cho bà Lê Thị Thanh X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa N đơn bà Lê Thị Thanh X và bị đơn ông Lê Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Lê Văn N đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày tiếp theo về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà X; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 08 tháng 09 năm 2022. Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn N vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định.

[2]. Hôn nhân giữa bà X và ông N là hợp pháp; trong thời gian chung sống, vợ chồng bà X và ông N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà X yêu cầu Tòa án xin ly hôn chứng tỏ giữa bà X và ông N không còn thương yêu, gắn bó với nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, giữa bà X và ông N không còn tình N vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà X và ông N là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X và cho bà X được ly hôn với ông N.

-Về con chung: Bà X và ông N có có 03 con chung là: Cháu Lê Thảo N; sinh ngày: 15/10/2001; cháu Lê X H;sinh ngày: 24/4/2007 và cháu Lê Tuấn K; sinh ngày; 18/12/2013.

Khi ly hôn, bà X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành(18 tuổi) vì bà X có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Còn đối với cháu Lê Thảo N sinh ngày: 15/10/2001 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

Xét nguyện vọng của bà X được nuôi dưỡng 02 con chung và xét nguyện vọng của cháu Lê X Hương;sinh ngày: 24/4/2007 và cháu Lê Tuấn K; sinh ngày; 18/12/2013 là muốn được ở với bà X. Xét đây là nguyện vọng chính đáng nên cần giao cháu Lê X Hương;sinh ngày: 24/4/2007 và cháu Lê Tuấn K; sinh ngày; 18/12/2013 cho bà X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà X không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Thanh X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thanh X được ly hôn với ông Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê X Hương; sinh ngày: 24/4/2007 và cháu Lê Tuấn K; sinh ngày; 18/12/2013 cho bà Lê Thị Thanh X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 02 con chung đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

Ông Lê Văn N được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Thanh X không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thanh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà X đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0019999 ngày 01/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.Ông Lê Văn N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

N đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND P. Tân Thành
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Phạm Văn Vĩ**